

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày 23 tháng 9 năm 2021

V/v: Tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

2. Ông Trần Anh Dũng.

* **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

* **Đại diện VKSND huyện Tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXXST-DS ngày 25/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2021/QĐST-DS ngày 09/9/2021 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Do ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc, đại diện (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1 - Phó Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện T, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Phố Mới, thị trấn Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang.

* **Đồng bị đơn:**

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Ông Thân Văn M, sinh năm 1975 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/12/2015; vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M có làm hồ sơ vay vốn tại Agribank Chi nhánh huyện T và được ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền: 70.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số: 2506LAV201509073 ngày 28/12/2015.

Mục đích sử dụng vốn vay: Dùng để phục vụ cho hoạt động chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình.

Lãi suất trên hợp đồng tín dụng: 9,8%/năm. (lãi suất thả nổi từng thời kỳ).

Thời hạn hạn mức tín dụng: 36 tháng, kể từ ngày 28/12/2015.

Cụ thể: Nhận nợ ngày 24/03/2017 số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký nhận nợ là: 9,0%/năm, ngày trả nợ cuối cùng 23/03/2018. Đến nay bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M chưa trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc và tiền lãi đồng nào

Đến ngày 23/9/2021 hiện còn dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 2506LAV201509073 tổng số tiền gốc và lãi là: 132.370.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 70.000.000 đồng; nợ lãi: 62.370.000 đồng.

Biện pháp bảo đảm: Cho vay tín chấp. - Tài sản tín chấp là QSD đất diện tích: 704m²; Thửa đất số: 59; Tờ bản đồ số: 21; Loại đất: đất ở, đất vườn; Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 684635 do UBND huyện T cấp ngày 28/12/2000. Địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B

Đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông (bà) Nguyễn Thị T - Thân Văn M không thanh toán nợ gốc, lãi theo cam kết trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng nông nghiệp huyện T đã có nhiều buổi làm việc, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng; tuy nhiên khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện T yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 23/9/2021 với tổng số tiền gốc là: 70.000.000 đồng và tiền nợ lãi là: 62.370.000 đồng.

* Đồng bị đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Ngày 14/7/2021 tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 56/TB-TLVA, ngày 13/7/2021. Ngày 26/7/2021 tổng đạt giấy triệu tập lần 01 và Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 33/QĐ-CCTLCC, ngày 26/7/2021. Ngày 04/8/2021 tổng đạt giấy triệu tập lần 02. Ngày 11/8/2021 tiến hành tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 56/TB-TA ngày 11/8/2021. Ngày 19/8/2021 tiến hành tổng đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Thông báo về phiên họp hòa giải số 56/TB-TA ngày 19/8/2021. Ngày 26/8/2021 Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXXST-DS, ngày 25/8/2021 của TAND huyện T đối với chị Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M. Ngày 10/9/2021 Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2021/QĐST-DS, ngày 09/9/2021 của TAND huyện T đối với chị Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M. Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M là đồng bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 15/9/2021, trưởng thôn H, xã P ông Trần Ngọc D cho biết: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M là vợ chồng, đều đăng ký hộ khẩu và hiện cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B. Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M đã nhận mọi văn bản tố tụng của Tòa án.

Toà án đã tiến hành cho các đương sự hoà giải nhiều lần nhưng không được và các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Đương sự đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, đương sự giữ nguyên ý kiến và đương sự không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đồng bị đơn không chấp hành quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Khoản 3 Điều 144, khoản 01 Điều 147, Điều 271, khoản 01 Điều 273 BLTTDS; Điều 407, Điều 463, Điều 466 BLDS; Điều 37 Luật HNGĐ; Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M có nghĩa vụ trả Ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, chi nhánh huyện T đại diện với tổng số tiền là: 132.370.000 đồng .

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 03 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã ra các quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng ngoài những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì phía đồng bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Ngày 09/7/2021 phía nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ghi ngày 09/7/2021 về yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng. TAND huyện T căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm b khoản 1 Điều 35 của BLTTDS để giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] **Về thời hiệu khởi kiện:** Theo Hợp đồng tín dụng số: 2506LAV201509073 ngày 28/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị T (ông Thân Văn M ủy quyền ngày 28/12/2015 cho vợ là bà Nguyễn Thị T để

vay vốn ngân hàng) thì dư nợ gốc đến ngày 23/9/2021 là: 70.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi là: 62.370.000 đồng. Thời hạn hạn mức tín dụng: 36 tháng, kể từ ngày 28/12/2015, đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 23/03/2018 vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M không trả được nợ, ngày 13/7/2021 Tòa án thụ lý nên việc khởi kiện của phía nguyên đơn là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M trả số tiền gốc 70.000.000 đồng gốc và tiền lãi 62.370.000 đồng thấy:

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng tín dụng số: 30910-CTY/HĐTD, ngày 24/9/2010 2506LAV201509073 ngày 28/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị T (ông Thân Văn M ủy quyền cho vợ là bà Thắng vay vốn) là người vay với mục đích vay vốn để dùng phục vụ cho hoạt động chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã xác lập giữa các bên thì thấy đây là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn, có lãi.

Căn cứ vào các chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số: 2506LAV201509073 ngày 28/12/2015. Tại giấy nhận nợ ngày 24/03/2017 với số tiền 70.000.000 đồng. Dư nợ gốc còn đến ngày 23/9/2021 là: 70.000.000 đồng.

Chứng cứ trên phù hợp lời khai của đại diện Ngân hàng là người cho vay nên có căn cứ xác định vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M còn nợ tổng số tiền gốc chưa thanh toán đến ngày 23/9/2021 là: 70.000.000 đồng.

Về lãi suất của số tiền vay: Theo các hợp đồng tín dụng các bên đã giao kết và thỏa thuận lãi suất tiền vay theo thỏa thuận nhận nợ thì:

Theo Hợp đồng tín dụng số: 2506LAV201509073 ngày 28/12/2015, dư nợ lãi là: Giấy nhận nợ ngày 24/03/2017 số tiền gốc 70.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký nhận nợ là: 9,0%/năm, ngày trả nợ cuối cùng 23/03/2018. Đến nay vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M chưa trả cho Ngân hàng tiền nợ lãi đồng nào. Dư nợ lãi đến ngày 23/9/2021 là: 62.370.000 đồng.

Như vậy số tiền lãi theo các Hợp đồng tín dụng và lãi theo giấy nhận nợ đã thỏa thuận tính đến ngày 23/9/2021 thì vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M chưa trả số tiền lãi còn lại là: 62.370.000 đồng.

Đến hạn trả nợ do vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M không trả nợ gốc và tiền lãi đến hạn và tiền lãi quá hạn đây là nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập theo Điều 37 Luật HNGĐ và theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số: 2506LAV201509073 ngày 28/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T với bà Nguyễn Thị T (ông Thân Văn M ủy quyền cho vợ là bà Thắng vay vốn) và giấy nhận nợ trên của bà Nguyễn Thị T với ngân hàng mà hai bên đã ký kết nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát cần buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V do Chi nhánh huyện T đại diện tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 132.370.000 đồng (Trong đó nợ gốc: 70.000.000 đồng; nợ lãi: 62.370.000 đồng).

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Thương Mại và dịch vụ Thành Thắng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tcho vay”.

[5] Biện pháp bảo đảm: Đây là loại hình cho vay tín chấp không phải là thế chấp tài sản để đảm bảo nên HĐXX không đặt ra xem xét đối với diện tích: 704m²; Thửa đất số: 59; Tờ bản đồ số: 21; Loại đất: đất ở, đất vườn; Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 684635 do UBND huyện T cấp ngày 28/12/2000. Địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị Hộ, sinh năm 1933 (mẹ đẻ ông Thân Văn M) không tham gia giao dịch vay vốn, liên quan đến việc vay tiền ngân hàng nên không đưa tham gia tố tụng là đúng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đồng bị đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M phải chịu 6.618.500 đồng án phí DSST trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T đại diện số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 3.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 119, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 429 của BLDS; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 03 Điều 228, Điều 271, Khoản 01 Điều 273 của BLTTDS; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M có nghĩa vụ trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, chi nhánh huyện T đại diện với tổng số tiền là: **132.370.000 đồng** (Trong đó tiền nợ gốc: 70.000.000 đồng; tiền nợ lãi: 62.370.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện T đại diện cho vay thì lãi suất mà vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện T đại diện cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, Chi nhánh huyện T đại diện cho vay.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Thân Văn M phải chịu 6.618.500 đồng án phí DSST.

Trả lại Ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, chi nhánh huyện T đại diện số tiền 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2020/0000353, ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương